

**THE INFLUENCE OF SOCIAL NETWORKS ON THE MIGRATION OF VIETNAMESE LABOR TO NORTHEAST ASIA**

Nguyen Thuy Linh

*Department of History, Hanoi Pedagogical University 2, Vinh Phuc province, Vietnam*

Corresponding author Nguyen Thuy Linh,  
e-mail: [nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn](mailto:nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn)

Received July 1, 2024.

Revised July 15, 2024.

Accepted July 25, 2024.

**ẢNH HƯỞNG CỦA MẠNG LƯỚI XÃ HỘI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DI CƯ CỦA LAO ĐỘNG VIỆT NAM SANG KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á**

Nguyễn Thùy Linh

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thùy Linh,  
e-mail: [nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn](mailto:nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn)

Ngày nhận bài: 1/7/2024.

Ngày sửa bài: 15/7/2024.

Ngày nhận đăng: 25/7/2024.

**Abstract.** Traditional village economies with tight and cohesive social networks in which the quantity and quality of information on people's characteristics are relatively high can be a favorable environment to convey information about the issue of Vietnamese immigrant workers internationally. This research examines social networks, especially kinship ties, and studies the effects of such networks on the overseas migration of Vietnamese youth in their migration decision-making process to Northeast Asia. Based on the results of surveys and in-depth interviews, the study shows that Vietnamese youth migrants utilize social networks to facilitate their migration efforts in Do Thanh commune, Yen Thanh district, Nghe An province. Migration networks not only relay information from places of departure and arrival but also provide practical support and assurance for the migration process of new people. This contributes to the creation of a "chain migration" system. The article aims to provide insights into how Vietnamese workers choose to migrate and emphasizes the impact of their migration choices.

**Keywords:** Social networks, chain migration, Emigrant, Viet Nam.

**Tóm tắt.** Nền kinh tế làng xã truyền thống với mạng lưới xã hội chặt chẽ và gắn kết, nơi số lượng và chất lượng thông tin về đặc điểm của người khác tương đối cao, có thể là môi trường thuận lợi để chuyển tiếp các thông tin về các vấn đề di cư lao động quốc tế của người Việt. Nghiên cứu này xem xét các mạng lưới xã hội, đặc biệt là quan hệ họ hàng và tác động của mạng lưới đó đến việc di cư ra nước ngoài của thanh niên Việt Nam trong quá trình ra quyết định di cư của họ sang khu vực Đông Bắc Á. Dựa trên kết quả các cuộc khảo sát và phỏng vấn sâu tại xã Đô Thành (huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An), nghiên cứu cho thấy thanh niên Việt Nam di cư tận dụng mạng lưới xã hội để tạo điều kiện thuận lợi cho nỗ lực di cư của họ. Mạng lưới di cư không chỉ đóng vai trò chuyển tiếp thông tin từ nơi đi và nơi đến mà còn hỗ trợ thiết thực và đảm bảo cho quá trình di cư của những người mới, góp phần tạo nên hệ thống "di cư mắt xích". Bài viết cung cấp những hiểu biết về cách lựa chọn di cư của người lao động Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh tác động trong lựa chọn di cư của họ.

**Từ khóa:** mạng lưới xã hội, di cư mắt xích, di cư, Việt Nam.

## **1. Mở đầu**

Khái niệm “mạng lưới xã hội [social network] nói đến các cá nhân có liên hệ với nhau bởi một hay nhiều mối quan hệ, từ đó hình thành nên một mạng lưới” [1]. Khái niệm này được ứng dụng rộng rãi trong nhiều nghiên cứu và đã trở thành một cấu thành cơ bản trong các lý thuyết đương đại về di cư, kể cả di cư trong nước lẫn di cư quốc tế.

Những người tham gia di cư quốc tế và những người ở quê hương (chuẩn bị di cư) được kết nối với nhau thông qua một mạng lưới các mối quan hệ xã hội, trong đó có các nhiệm vụ hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện việc di cư [2]. Mạng lưới xã hội có vai trò quan trọng đối với người di cư bởi họ đến một môi trường mới, nơi mà chất lượng và số lượng thông tin (về bối cảnh địa phương và các thông tin khác) còn hạn chế, họ cũng là những người thiếu kỹ năng hoặc kiến thức cụ thể về nước tiếp nhận [3] nên họ có xu hướng tìm kiếm các mối quan hệ gia đình, họ hàng, bạn bè để đạt được cơ hội di cư như mong muốn. Vì thế, chính mạng xã hội có ảnh hưởng đến việc ra quyết định di cư [4].

Câu chuyện của những người di cư về các quốc gia họ đến cũng là nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của các cá nhân và các hộ gia đình. Do mạng lưới xã hội có chức năng truyền tải các giá trị, nguyện vọng, đồng thời biến đổi cấu trúc cộng đồng từ đó làm gia tăng di cư quốc tế [5]. Nghiên cứu khác cho thấy rằng những dấu hiệu rõ ràng về sự thành công của những người di cư trước (chẳng hạn như mua những mảnh đất mới hoặc xây dựng những ngôi nhà mới khang trang ở quê hương) là đủ để khuyến khích di cư nhiều hơn bằng cách chứng minh tính hiệu quả của nó mà không cần bất kỳ thông tin hoặc trợ giúp trực tiếp nào từ bên ngoài [6]. Ngoài ra, khi người di cư trở về thể hiện địa vị kinh tế - xã hội cao hơn người không di cư, việc di cư trở nên gắn liền với uy tín và địa vị xã hội, trở thành động lực di cư có thể dẫn tới “văn hóa di cư” [7], [8]. Vì thế, những người di cư trở về có thể kích thích hơn nữa sự phát triển của mạng lưới xã hội bằng cách khuyến khích những người khác tham gia vào chuỗi di cư quốc tế [9].

Nghiên cứu khác cho thấy, mặc dù có sự phát triển của công nghệ mới và sự phát triển của các trang web việc làm trực tuyến nhưng các mối liên hệ cá nhân trong mạng lưới xã hội vẫn có vai trò quan trọng đối với việc tìm kiếm việc làm trong thế kỷ XXI. Đối với những người di cư đến một đất nước mới và đối mặt với một thị trường lao động xa lạ, các mối quan hệ trong mạng lưới có thể có giá trị như những con đường trực tiếp dẫn đến việc làm. Hơn nữa, ngoài những vai trò trực tiếp như vậy, các mối quan hệ xã hội còn có thể đóng những vai trò gián tiếp hơn bằng cách cung cấp thông tin trực tiếp theo bối cảnh cụ thể, cũng như các khuyến nghị cá nhân và lời khuyên chung [10].

Mạng lưới người di cư có thể cung cấp thông tin về việc làm, chỗ ở, giao thông, chăm sóc sức khỏe và hệ thống phúc lợi xã hội địa phương cũng như đưa ra lời khuyên về các lộ trình và đường dẫn cho thông tin và hỗ trợ tài chính và xã hội [11], [12], [2], [4], [5]. Đặc biệt, nguồn kiều hối từ những người di cư đóng một vai trò quan trọng trong việc tài trợ cho việc di chuyển của nhiều thành viên khác trong gia đình hơn. Kiều hối không chỉ cung cấp hỗ trợ tài chính trực tiếp mà còn giúp tăng cường đầu tư và hình thành các doanh nghiệp nhỏ tại quê hương của những người di cư, điều này có thể kích thích phát triển kinh tế địa phương và tăng việc làm, tạo ra thu nhập mà bản thân nó có thể làm tăng khả năng di cư [13].

Các nghiên cứu khác cũng cho thấy các mạng lưới liên quan đến họ hàng có thể đặc biệt quan trọng trong các quá trình di cư bất hợp pháp, cung cấp cho người di cư không có giấy tờ thông tin về các nhà môi giới giá rẻ và đáng tin cậy, hướng dẫn biên giới và thông tin về cách tránh bị bắt giữ và phải làm gì khi bị trục xuất [14], [2]. Ngoài ra, họ có thể cung cấp hướng dẫn về cách đảm bảo việc làm và các khía cạnh khác của cuộc sống với tư cách là người di cư không có giấy tờ. Tuy nhiên, một số mạng lưới xã hội có thể hỗ trợ di cư để hướng đến bóc lột những người này hoặc kiếm lợi nhuận từ hoạt động đó, vì thế sự tin tưởng và hỗ trợ (phi lợi nhuận) chủ yếu tồn tại giữa các mối quan hệ gắn bó bền chặt, ràng buộc lẫn nhau, chứ không tồn tại ở quy mô lớn hơn như giữa toàn bộ cộng đồng người di cư cùng sắc tộc [15].

Như vậy, các nghiên cứu cho thấy mạng lưới xã hội có vai trò quan trọng đối với người di cư ở nhiều quốc gia trên thế giới. Qua tham khảo các công trình trước, nghiên cứu này quan tâm đến trường hợp cụ thể là mạng lưới xã hội đóng vai trò như thế nào trong việc ra quyết định của người di cư lao động Việt Nam sang Đông Bắc Á (tập trung tại ba thị trường chính là Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan) và đánh giá vai trò của mạng lưới này thông qua thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp dựa với tổng cộng 173 người, trong đó có 162 phiếu khảo sát (chia thành 2 đợt: khảo sát, phỏng vấn online tháng 3/2022 và khảo sát, phỏng vấn trực tiếp vào tháng 2/2023) và 11 cuộc phỏng vấn sâu với những người Việt Nam di cư đang làm việc ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan hoặc những người Việt Nam trở về định cư tại Việt Nam sau khi di cư và cha mẹ/vợ/chồng của họ (nói cách khác đối tượng khảo sát bao gồm cả người đã/đang di cư và người nhà của họ).

Theo thống kê của Cục Quản lý lao động ngoài nước, năm 2022, Nghệ An là địa phương có số lượng lao động di cư nước ngoài nhiều nhất cả nước [16], trong đó huyện Yên Thành đứng thứ nhất trong tổng số 21 huyện, thành, thị của tỉnh Nghệ An (năm 2022) [17]. Vì vậy, địa bàn được lựa chọn thực hiện các cuộc phỏng vấn là xã Đô Thành (huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An) – đây là một trong số những địa phương tiêu biểu cho hoạt động di cư ra nước ngoài lao động.

Đối tượng tham gia nghiên cứu này được mô tả trong Bảng 1.

**Bảng 1. Mô tả thông tin về đối tượng khảo sát**

Thông tin		Mô tả	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Tổng số	Nam	108	62,4
		Nữ	65	37,6
	Khảo sát Online	Nam	48	27,7
		Nữ	47	27,2
	Tại Đô Thành	Nam	60	34,8
		Nữ	18	10,3
Trình độ học vấn		Tốt nghiệp Cao đẳng/ Đại học/ Trường nghề	48	27,7
		Tốt nghiệp THPT	91	52,6
		Tốt nghiệp THCS	34	19,7

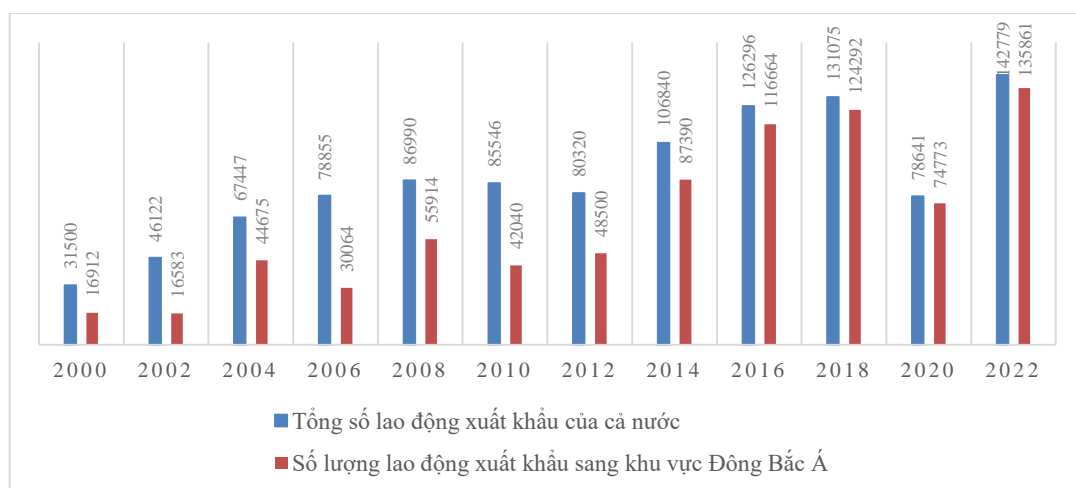
Các thông số trong Bảng 1 cho thấy có chênh lệch về giới tính trong số lượng người khảo sát tại Đô Thành, điều này phản ánh sự khác biệt về vai trò của giới trong hoạt động kinh tế và những rào cản về di cư mà phụ nữ tại địa phương này phải đối diện. Về trình độ học vấn cho thấy phần lớn người tham gia khảo sát đều có trình độ học vấn phổ thông.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Mạng lưới xã hội trong lao động Việt Nam tại Đông Bắc Á

Kể từ thập niên 90 của thế kỉ XX, sau khi chuyển hướng thị trường lao động thì khu vực Đông Bắc Á trở thành thị trường thu hút đông đảo lao động xuất khẩu Việt Nam (xem Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1 cho thấy mặc dù số lượng lao động xuất khẩu có nhiều sự biến động qua các năm, tuy nhiên, số lao động xuất khẩu sang thị trường Đông Bắc Á luôn chiếm một tỉ lệ lớn trên tổng số lao động xuất khẩu của cả nước (giai đoạn 2000 – 2010 là 51,3% và giai đoạn 2012 – 2022 là 86,6%, trong đó từ năm 2016 đến 2022 luôn đạt trên 90%, cao nhất là năm 2020 và 2022 đạt 95,1% - Tính toán của tác giả dựa trên số liệu thống kê đã thể hiện trên biểu đồ).



**Biểu đồ 1. Số lượng người lao động Việt Nam xuất khẩu sang các thị trường trên thế giới**

(Nguồn: Thống kê của tác giả dựa trên Báo cáo tổng hợp tình hình người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài qua các năm của Cục Quản lý lao động ngoài nước qua các năm) [16].

Ngoài số lượng lao động xuất khẩu (được thống kê tại biểu đồ trên), tại Đông Bắc Á còn tồn tại một bộ phận tương đối lớn lao động không có giấy tờ (lao động cư trú bất hợp pháp), trong đó đông đảo nhất là tại Hàn Quốc. Theo Cục thống kê Hàn Quốc, trong vòng 4 năm (2018-2021) số lao động bất hợp pháp tăng nhanh, từ 42.056 người (2018), 58.686 người (2019), 66.046 người (2020) lên đến 70.411 người (2021). Từ vị trí là quốc gia đứng thứ 3 trong tổng số lao động cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc, Việt Nam đã vượt qua Trung Quốc, đứng thứ 2 trong thống kê này [18].

Tại Đông Bắc Á, cộng đồng lao động người Việt có nhiều hoạt động như:

- Ở mỗi tỉnh [Nhật Bản] luôn có kênh Facebook, Zalo của người Việt để đăng tải thông tin việc làm, các đối tượng lừa đảo, tin tức biến động tiền tệ, bán hàng online, ... Hoạt động giao lưu văn hoá Người Việt tại Nhật mỗi năm diễn ra một lần tại Tokyo với sự tài trợ của Đại sứ quán và các công ti. (L, 30 tuổi, Nội dung trả lời phiếu khảo sát online, ngày 24/3/2022).

- Bên này [Hàn Quốc], chúng tôi có hoạt động giao lưu văn hoá, trao đổi thông tin, hỗ trợ việc làm, tìm và thuê nhà [...] Có các nhóm hỗ trợ tìm chỗ ở và giúp làm thủ tục cho những người mới sang (Q, 27 tuổi, Nội dung trả lời phiếu khảo sát online, ngày 23/3/2022).

Như vậy, với một số lượng lớn lao động tại khu vực Đông Bắc Á sẽ là một nguồn thông tin hữu ích đối với những người có ý định tham gia di cư lao động quốc tế. Đồng thời, đây cũng là chỗ dựa về mặt tinh thần cho người lao động khi làm việc tại đây. Bên cạnh cộng đồng người Việt Nam tại khu vực này, bản thân mỗi cá nhân có thể là sợi dây gắn kết các mối quan hệ để tạo thành và vận hành mạng lưới xã hội rộng lớn, hỗ trợ việc di cư thông qua việc liên lạc với gia đình. Về mức độ liên lạc với gia đình của 173 người tham gia khảo sát có 20 người liên lạc hàng ngày (chiếm 11,5%), 105 người liên lạc 1-2 lần/1 tuần (chiếm 60,7%), 40 người liên lạc 1-2 lần/1 tháng (chiếm 23,1%) và 8 người liên lạc không ổn định (chiếm 4,7%), hình thức liên lạc thông qua mạng xã hội (zalo, messenger,...) chiếm 82,6% và điện thoại là 17,4%.

## 2.2. Ảnh hưởng của mạng lưới xã hội

### 2.2.1. Quyết định di cư

Có nhiều nguyên nhân chi phối đến quyết định di cư của một cá nhân, trong đó có mạng lưới gia đình/ họ hàng ở quê hương và cả mạng lưới họ hàng đã di cư.

Nếu như gia đình ở quê hương là động lực lớn (nhân tố thúc đẩy) để người ta đi làm việc ở nước ngoài, vì việc di cư, xét cho cùng cũng để hoàn thành vai trò, trách nhiệm của mình thông qua việc gửi tiền về chăm sóc con cái hoặc phụng dưỡng cha mẹ già thì mạng lưới xã hội đã đi

cư tạo ra sự thu hút, hấp dẫn đối với quyết định di cư của người lao động. Những người di cư trong nghiên cứu này cho rằng sự thành công của các thành viên khác trong gia đình, họ hàng và cộng đồng đã di cư trước là động lực cho việc di cư của họ.

- *Anh em trong gia đình, bạn bè người ta đi trước rồi hướng dẫn mình, trong xóm trong xã [Đô Thành] đi đông lắm* (B, 35 tuổi, Phỏng vấn tại nhà riêng của nhân vật tại xã Đô Thành, ngày 20/2/2023).

- *Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mình muốn đi làm [nước ngoài] kiếm thêm thu nhập kinh tế cho gia đình. Việc mọi người xung quanh [trong xóm] đi nước ngoài nhiều cũng có một phần tác động đến quyết định di cư* (A, 24 tuổi, Phỏng vấn tại nhà riêng của nhân vật tại xã Đô Thành, ngày 22/2/2023).

Hơn nữa, sự có mặt của người nhà, người thân, người quen ở nước đến hay những kinh nghiệm di cư của họ cũng tạo nên niềm tin và sự động viên tinh thần cho cộng đồng những người ở lại, vì vậy quyết định di cư (đặc biệt là di cư lần đầu) cũng ít gặp phải sự tranh cãi hay phản đối từ chính người thân trong gia đình. Việc có mối quan hệ với những người di cư trước đây có kinh nghiệm đa dạng (ví dụ: ở các ngành nghề hoặc đi đến khác nhau) sẽ làm tăng các lựa chọn cho những người di cư tiềm năng và do đó, làm tăng xu hướng di cư ở một số khu vực, trong đó có khu vực Đông Bắc Á.

- *Anh quyết định đi Nhật Bản vì có em trai ở bên này (khác tỉnh). Dù có qua công ti môi giới, nhưng em trai là người giới thiệu nên đảm bảo và yên tâm hơn* (D, 29 tuổi, Phỏng vấn tại nhà riêng của nhân vật tại xã Đô Thành, ngày 20/2/2023).

Số liệu khảo sát thực tế cho thấy người di cư sang Đông Bắc Á thường khuyến khích người thân trong gia đình hoặc họ hàng, bạn bè đi xuất khẩu lao động: có 108/173 người được hỏi (62,4%) cho biết tại thời điểm tham gia nghiên cứu, gia đình họ có từ 2, 3 thậm chí 4 thành viên đang làm việc ở nước ngoài. Hơn nữa, những người tham gia nghiên cứu cũng chia sẻ, nhiều anh em họ hàng của họ đã ra nước ngoài sau khi được họ giới thiệu. Trong số đó, 136 người (78,6%) tham gia khảo sát đã xác nhận tầm ảnh hưởng quyết định của những người đã sống/làm việc/học tập ở nước ngoài đối với quyết định di cư của họ.

### 2.1.2. Chuyển tiếp thông tin và hỗ trợ người di dân khi họ di cư đến

Thông thường, “mối liên hệ giữa hai người nhập cư tồn tại nếu họ nói chuyện với nhau và và biết nhau về mặt cá nhân” [3, 593]; đối với những người nhập cư mới, việc tiếp xúc với những người thuộc thế hệ di cư trước để có được thông tin địa phương là điều phổ biến. Mạng lưới người đã di cư tạo cũng tạo điều kiện thuận lợi cho người nhập cư thích ứng về mặt xã hội, chính trị và kinh tế trong bối cảnh tiếp nhận. Nhờ việc lắng nghe thông tin chia sẻ từ mạng lưới họ hàng, người di cư có thể tìm được quốc gia đích đến phù hợp, trả mức phí thấp hơn và có việc làm tốt hơn.

- P (29 tuổi) chia sẻ: “*Chồng tôi ở đây nên nhờ công ti tài trợ visa và tìm việc làm cho tôi. Vì thế tôi không tốn nhiều tiền.*”

- *Tôi không muốn đi Nhật vì bên đó làm công ti giờ giấc ghê lắm, sang Đài Loan ra ngoài thì làm xây dựng tự do hơn. Bên đó [Đài Loan] có anh em, người thân cũng bảo mình sang* (N, 38 tuổi, Phỏng vấn tại nhà riêng của nhân vật tại xã Đô Thành, ngày 21/2/2023).

Cùng với quan hệ gia đình, quan hệ họ hàng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong di cư lao động quốc tế, góp phần hình thành các chuỗi di cư. Người trước đi và hướng dẫn người sau. Anh em trong dòng họ, trong làng xã đều kéo nhau đi làm xa.

- *Trước đó [năm 2007] anh cả đi Hàn [Quốc], sau đó hai người còn lại cũng đi Hàn [năm 2010 và 2018]* (bà P, 55 tuổi, Phỏng vấn tại nhà riêng của nhân vật tại xã Đô Thành, ngày 21/2/2023).

Bên cạnh chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, mạng lưới di cư còn chia sẻ cả những nguy hiểm và rủi ro phải đối diện.

*Ảnh hưởng của mạng lưới xã hội đối với hoạt động di cư của lao động Việt Nam sang khu vực Đông Bắc Á*

- Anh D (40 tuổi) chia sẻ, anh từng làm việc trái phép ở nhiều nước châu Âu và hậu quả là bị bỏ tù và trục xuất. Rút kinh nghiệm từ đó, ông định hướng cho con đi nước ngoài theo hình thức hợp pháp. Trong thời gian anh đi nước ngoài, các con anh ở với mẹ và ông bà ngoại. Tuy nhiên, vì học không giỏi nên ngay khi tốt nghiệp cấp 3, anh đã gợi ý họ nên ra nước ngoài làm việc. Hai con của anh hiện đang ở Nhật Bản (Phòng vấn tại nhà riêng của nhân vật D tại xã Đô Thành, ngày 22/2/2023).

Nhìn chung, người ta đã chứng minh rằng mạng lưới người di cư làm giảm chi phí định cư của những người di cư theo chuỗi và giúp các luồng thông tin để tìm kiếm việc làm diễn ra suôn sẻ tại nơi đến [3].

### **2.1.3. Di cư theo mạng lưới**

Di cư của thanh niên trong mạng lưới xã hội cũng gắn liền với hiện tượng di cư tiếp sức. Thanh niên có xu hướng di cư để thay thế cha mẹ trong xã hội sử dụng lao động.

Trong số những người được phỏng vấn, một ông bố cho biết họ không có lựa chọn nào tốt hơn ngoài việc ra nước ngoài kiếm tiền nuôi gia đình; khi họ già đi, con cái họ sẽ thay thế họ và họ sẽ ủng hộ sự lựa chọn đó của con cái họ. Chúng tôi phỏng vấn con gái của ông, cô ấy đã không ngần ngại chia sẻ điều đó. Mục đích cô và các anh chị em khác đi làm ở nước ngoài là để thay thế cha mình, để ông nghỉ ngơi khi tuổi đã già.

Điều này gây ra sự vắng mặt của nam thanh niên ở nhà. Trong cuộc phỏng vấn của chúng tôi tại xã Đô Thành, phần lớn thanh niên trong làng đều đã ra nước ngoài, chỉ còn lại người già, phụ nữ và trẻ em ở đây.

**Bảng 2. Thống kê số lượng lao động tại Đông Bắc Á phân theo các dòng họ lớn tại các xóm thuộc xã Đô Thành – huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An [19]**

Xóm	Dòng họ							Tổng
	Hoàng	Lê	Luyện	Phạm	Phan	Võ	Nguyễn	
Bắc Vực	2	1		6		4	4	17
Dạ Sơn	3		1			2	1	7
Đông Thị	6			2	19		8	35
Hoàng Lò					2		45	47
Gia Mỹ				20		12	30	62
Hạc Linh		14					0	14
Kim Chi		4				1	23	28
Nam Vực		10		4	4	1	15	34
Ngọc Sơn	2						5	7
Phú Vinh	5					1	4	10
Phú Xuân	5	13					8	26
Sung Yên							16	16
Xuân Lai	6	1	28				7	42
Yên Hội				1	1		3	5
Tổng	29	43	29	33	26	21	169	350

Tại xã Đô Thành (huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An) có tổng số 468 lao động làm việc ở Đông Bắc Á. Ngoài các dòng họ như họ Hà, Hồ, Trần, Bùi, Đinh, Vũ, Chu, Đậu, Trịnh, ... có số lượng lao động đi Đông Bắc Á không đáng kể, thống kê trong nghiên cứu này tập trung vào các dòng

họ có số lượng lớn lao động đi Đông Bắc Á (bảng trên). Trong số đó, ngoài dòng họ Nguyễn (có số người di cư lao động nhiều nhất và phân bố ở tất cả các xóm, trong đó tập trung ở xóm Gia Mỹ, Kim Chi, Sung Yên và Nam Vực) thì các dòng họ khác có sự phân bố số người đi di cư lao động không đều. Trong tổng số 14 xóm của xã, số người di cư lao động sang Đông Bắc Á của họ Luyện tại xóm Xuân Lai với 28/29 người (chiếm 96,5%); họ Phạm ở xóm Gia Mỹ với 20/33 người (chiếm 60,6%) và ở xóm Bắc Vực là 6/33 người (chiếm 18,1%); họ Phan ở xóm Đông Thị với 19/26 người (chiếm 73,1%); họ Võ ở xóm Gia Mỹ với 12/21 người (chiếm 57%); họ Lê tập trung chủ yếu ở các xóm Hạc Linh, Nam Vực và Phú Xuân,... Như vậy, thống kê trên cho thấy, có thể mối quan hệ họ hàng đã thúc đẩy sự di cư theo chuỗi (di cư mắt xích), hay nói cách khác là sự di cư của một hay nhiều thành viên trong dòng họ tạo ra lực hút để những người khác đi theo.

Tóm lại, di cư lao động sang Đông Bắc Á là một chiến lược sinh kế tất yếu và quan trọng để tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn nhằm duy trì nền kinh tế cá nhân, gia đình, họ hàng và quốc gia. Kết quả khảo sát và phỏng vấn 173 người di cư cho thấy, có 156 người di cư (chiếm 90,2%) ra nước ngoài làm việc với mục đích tăng thu nhập, tìm kiếm việc làm và trả nợ. Con số này cho thấy nhiều người trong số họ đặt rất nhiều niềm tin vào công việc ở nước ngoài. Vấn đề việc làm và tăng thu nhập chắc chắn có thể được giải quyết nhờ sự di cư lao động quốc tế.

*Động lực lớn nhất để đi lao động nước ngoài là vấn đề kinh tế, trước tiên mình đi để, nếu sang đó mà đất nước đó hay môi trường thuận lợi, mà vợ thích sang thì cho vợ sang làm cùng (nếu sắp xếp để ông bà chăm sóc cho con cái được).*

*Muốn làm ở đây [Nhật Bản] khi mà dư dả vốn hay tay nghề cứng cáp thì mình về, khi nào cao tuổi quá thì mình về luôn cũng được, chứ về Việt Nam không có việc, lương lại thấp (B, 35 tuổi, Phỏng vấn tại nhà riêng của nhân vật B tại xã Đô Thành, ngày 20/2/2023).*

Cũng chính mạng lưới di cư tạo ra và duy trì liên kết xuyên quốc gia. Mạng lưới xã hội của người di cư cũng cung cấp một luồng tài nguyên quan trọng giữa các quốc gia nơi đi và nơi đến, giúp duy trì và duy trì các mạng lưới xuyên quốc gia. Thông qua mạng lưới các mối quan hệ giữa các cá nhân, “con người, hàng hóa và thông tin lưu thông để tạo ra sự liên tục xã hội” giữa hai bên. Đặc biệt, quá trình di cư hồi hương đang diễn ra, dù bởi những người di cư ngắn hạn thường xuyên trở về quê hương hay bởi những người di cư định cư đến thăm cộng đồng quê hương của họ trong những khoảng thời gian nhất định mỗi năm, đều đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì mạng lưới người di cư. Duy trì mối quan hệ xuyên quốc gia thông qua mạng lưới người di cư giữa nước đi và nước đến cũng được coi là một chiến lược giảm thiểu rủi ro, bằng cách giúp người di cư có thể trở về quê hương của họ ở bất kỳ giai đoạn nào trong cuộc đời [20]. Điều này đúng với xã Đô Thành, hàng năm vào những dịp Tết, những người di cư trở về khiến quê hương trở nên đông đúc, khác hẳn những ngày quanh năm chỉ có chủ yếu người già và trẻ nhỏ.

#### **2.1.4. Một số vấn đề tồn tại**

Mặc dù phần lớn quan sát cho thấy những tác động tích cực của mạng lưới người di cư đối với việc di cư của các cá nhân, một số nghiên cứu cũng đã thảo luận về việc một số nhóm nhất định (ví dụ như phụ nữ) có thể bị từ chối tiếp cận các nguồn lực từ các mạng lưới này hoặc phải đối mặt với những áp lực tiêu cực theo quy chuẩn liên quan đến di cư [9].

Thực tế cho thấy, phụ nữ gặp phải nhiều khó khăn và rào cản hơn so với nam giới trong quá trình di cư lao động. Theo truyền thống phương Đông, phụ nữ Việt Nam có thiên chức cực kỳ quan trọng là làm vợ, làm mẹ và chăm sóc gia đình. Phần lớn phụ nữ đi làm việc ở nước ngoài ở độ tuổi từ 20 - 45, đây là quãng thời gian phụ nữ có nhu cầu cao độ thực hiện thiên chức của mình, mặt khác gia đình, chồng, con cũng cần sự chăm sóc, nuôi dạy con cái của người phụ nữ. Vì vậy, người phụ nữ đi làm việc ở nước ngoài là một sự đánh đổi giữa thu nhập với thiên chức người vợ, người mẹ trong quãng đời mà bản thân và gia đình họ có nhu cầu cao nhất về thiên chức đó [21]. Bên cạnh những rào cản về mặt tâm lý, phụ nữ còn khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin trước khi di cư; quá trình đào tạo nghề và những vấn đề phát sinh khi làm việc ở nước ngoài (lao động nặng nhọc, đời sống khó khăn; nguy cơ bị lạm dụng, bóc lột, thậm chí là xâm hại tình

dục...). Những câu chuyện của những người phụ nữ đi trước về một môi trường làm việc không an toàn, sự cô đơn, sợ hãi đã khiến những người phụ nữ ở nhà cảm thấy e dè và phân vân trong quyết định di cư của mình. Chưa kể đến, khi hồi hương, lao động di cư nữ phải đối diện với sự rạn nứt trong hôn nhân, thậm chí là bạo lực gia đình.

Thông tin từ mạng lưới di cư tạo nên sự mạo hiểm trong quyết định di cư/con đường - hình thức di cư/lựa chọn công việc, đặc biệt là di cư bất hợp pháp. Do người di cư sau tin tưởng vào sự hướng dẫn, động viên của những người đi trước. Con đường chuyển từ lao động “hợp pháp” sang lao động “bất hợp pháp” của người lao động được tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ bởi những người anh em/bạn bè đã đi trước:

*Tại Hàn Quốc nếu mình sang đây tiền học phí rồi sinh hoạt phí không đủ thì mình có thể ra ngoài làm việc để kiếm trả nợ tiền gửi về cho gia đình; có nhiều người đi học nhưng áp lực không theo được thì cũng bỏ ra ngoài lao động chui; còn nhiều hình thức khác như kết hôn giả (bên kia quen ai người Hàn thì giới thiệu cho mình thì mình lấy danh trên giấy tờ thôi, hai bên thỏa thuận với nhau, làm một cái hợp đồng như hợp đồng hôn nhân ấy). Người này hướng dẫn người kia (H, 36 tuổi, Phỏng vấn tại nhà riêng của nhân vật H tại xã Đô Thành, ngày 21/2/2023).*

### 3. Kết luận

Từ những năm 2000 đến nay, Đông Bắc Á là thị trường mới, tiềm năng và dần trở thành khu vực chính và chủ yếu tiếp nhận lao động Việt Nam. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ ảnh hưởng của mạng lưới xã hội đối với hoạt động di cư lao động, có đóng góp đáng kể đến kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Mặc dù trong nghiên cứu này có số liệu khảo sát online người lao động di cư từ các địa phương khác nhau sang Đông Bắc Á, tuy nhiên số lượng không nhiều (95 người), còn lại được tiến hành tại xã Đô Thành, vì vậy kết quả nghiên cứu trên không mang tính đại diện cho lao động di cư của Việt Nam nói chung. Trong thời gian tới, cần có thêm những nghiên cứu với phạm vi rộng hơn để củng cố thông tin về chủ đề này.

Qua khảo cứu tư liệu và khảo sát thực tế, có thể thấy sự tăng lên về số lượng lao động Việt Nam sang khu vực Đông Bắc Á xuất phát từ sự phù hợp về cung – cầu lao động, trong đó thu nhập cao là yếu tố hấp dẫn và thu hút mạnh mẽ người lao động. Bên cạnh đó, mạng lưới xã hội có đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy quyết định di cư, lựa chọn điểm đến, chuyển tiếp thông tin và hỗ trợ cho quá trình di cư, từ đó góp phần tạo thành hiện tượng “di cư theo chuỗi” khá điển hình tại nhiều địa phương, trong đó có xã Đô Thành.

Những người di cư trong nghiên cứu thể hiện những quan điểm, suy nghĩ khác nhau về cách thức mà mạng lưới xã hội ảnh hưởng đến họ trong quá trình ra quyết định hay hỗ trợ quá trình di cư. Điều này gợi ra rằng người di cư có thể tận dụng các mối quan hệ trong mạng lưới xã hội để hiện thực hóa và bảo đảm thành công quá trình di cư của mình.

Mặc dù vẫn còn tồn tại những vấn đề như mạng lưới xã hội giới thiệu và hướng dẫn tìm kiếm việc làm bất hợp pháp, hay vấn đề môi trường làm việc không an toàn, ... tuy nhiên mạng lưới xã hội đem lại nhiều lợi ích hơn, đặc biệt mạng lưới di cư đáp ứng được vấn đề việc làm và chiến lược sinh kế của người lao động.

**\* Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam qua đề tài mã số B.2023-SP2-06.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Marshall, (2010). *Từ điển Xã hội học Oxford* (Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa (dịch từ Oxford Dictionary of Sociology - Oxford University - 1998). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Massey DS & España, (1987). The Social Process of International Migration. *Science* 237 (4816), 733-738.



- [3] Margherita C & Mariapia M, (2014). Formation of Migrant Networks. *Scandinavian Journal of Economics* 117(2).
- [4] Zell, S. and Skop, (2011). Social Networks and Selectivity in Brazilian Migration to Japan and the United States. *Popul. Space Place* 17, 469–488.
- [5] Somerville, (2015). Strategic Migrant Network Building and Information Sharing: Understanding ‘Migrant Pioneers’ in Canada. *International Migration* 53 (4), 135-154.
- [6] Filiz Garip and Asad L. Asad, (2015). Migrant Networks, researchGate (<https://www.researchgate.net/publication/283153627>).
- [7] Fawcett, (1989). Networks, Linkages, and Migration Systems, *The International Migration Review*, 23 (3), 671-680.
- [8] Epstein, (2008). Herd and Network Effects in Migration Decision-Making. *Journal of Ethnic and Migration Studies*, 34 (4), 567-583.
- [9] Gmelch, (1995). Return Migration. *Annual Review of Anthropology* 9, 135– 159.
- [10] Louise R, (2022). Chapter 2 The Direct and Indirect Role of Migrants Networks in *Accessing Diverse Labour Market Sectors: An Analysis of the Weak/ Strong Ties Continuum*, 37.
- [11] Boyd, (1989). Family and Personal Networks in International Migration: Recent Developments and New Agendas. *The International Migration Review* 23 (3), 638-670.
- [12] Côté RR, Jensen JE, Roth LM & Way, (2015). The Effects of Gendered Social Capital on U.S. Migration: A Comparison of Four Latin American Countries. *Demography* 52 (3), 989-1015.
- [13] Epstein, (2008). Herd and Network Effects in Migration Decision-Making. *Journal of Ethnic and Migration Studies*, 34 (4), 567-583.
- [14] Massey DS, Arango J, Hugo G, Kouaouci A, Pellegrino A & Taylor JE, (1993). Theories of International Migration: A Review and Appraisal. *Population and Development Review*, 19 (3), 431-466.
- [15] NNN Anh, (2017). *Social Networks along the Migration Cycle between Vietnam and Korea: Opportunities or Obstacles for Temporary Labour Migrants?*, The University of Sydney.
- [16] Cục Quản lý lao động ngoài nước, Báo cáo tổng hợp tình hình người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (qua các năm 2000, 2002, 2004, 2006, 2008, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020, 2022)
- [17] Sở Lao động Thương binh và Xã hội Nghệ An, (2023). Báo cáo kết quả hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2022.
- [18] Cục thống kê Hàn Quốc, (2022). 국가별 불법체류 외국인 현황 (Tình trạng người lao động bất hợp pháp phân theo quốc gia) [https://kosis.kr/statHtml/statHtml.do?orgId=111&tblId=DT\\_1B040A36](https://kosis.kr/statHtml/statHtml.do?orgId=111&tblId=DT_1B040A36).
- [19] Ủy ban Nhân dân xã Đô Thành, Sở quản lý lao động làm việc ở nước ngoài đến tháng 4/2022
- [20] Heila S, 2021. Migrant networks as social capital: the social infrastructure of migration (<https://pureportal.coventry.ac.uk/en/publications/migrant-networks-as-social-capital-the-social-infrastructure-of-m>), 9.
- [21] LH Huyền, (2008). *Tác động của di chuyển lao động quốc tế đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3, Tiểu ban kinh tế Việt Nam (VNH3.TB5.791).